



Cơ sở 3: Công ty TNHH MTV Đường TTC – Biên Hòa – Ninh Hòa

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8 - 2: 2011/BYT: Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng asen	mg/kg, không lớn hơn	1
2	Hàm lượng chì	mg/kg, không lớn hơn	0,5
3	Hàm lượng thủy ngân	mg/kg, không lớn hơn	0,05
4	Hàm lượng cadmi	mg/kg, không lớn hơn	1

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- TCVN 7270:2003/BYT: Yêu cầu vệ sinh

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO ₂	mg/kg, nhỏ hơn	7

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Aflatoxin B1	µg/kg, không lớn hơn	5
2	Aflatoxin B1 B2 G1 G2	µg/kg, không lớn hơn	15

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	2, 4 – D	mg/kg, không lớn hơn	0,05
2	Aldicarb	mg/kg, không lớn hơn	0,1
3	Azinphos – Methyl	mg/kg, không lớn hơn	0,2
4	Carbofuran	mg/kg, không lớn hơn	0,1

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
5	Chlorantraniliprole	mg/kg, không lớn hơn	0,5
6	Clothianidin	mg/kg, không lớn hơn	0,4
7	Cyhalothrin	mg/kg, không lớn hơn	0,05
8	Cypermethrins	mg/kg, không lớn hơn	0,2
9	Dicamba	mg/kg, không lớn hơn	1
10	Ethoprophos	mg/kg, không lớn hơn	0,02
11	Glyphosate	mg/kg, không lớn hơn	2
12	Imazapic	mg/kg, không lớn hơn	0,01
13	Isoxaflutole	mg/kg, không lớn hơn	0,01
14	Mesotrione	mg/kg, không lớn hơn	0,01
15	Novaluron	mg/kg, không lớn hơn	0,5
16	Propiconazole	mg/kg, không lớn hơn	0,02
17	Tebufenozide	mg/kg, không lớn hơn	1
18	Trinexapac - ethyl	mg/kg, không lớn hơn	0,5

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về Nhãn hàng hóa

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

3.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng.
- Màu sắc: Màu trắng trong suốt đến vàng nhạt.
- Mùi vị: Vị ngọt đường đặc trưng, không có mùi lạ, không có vị lạ.

3.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
01	Hàm lượng saccharose	%, không nhỏ hơn	66,5

3.3. Hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
- Hướng dẫn bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao, dưới ánh nắng mặt trời.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 08 tháng 07 năm 2020

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Lê Đức Còn



21 cm

14.5 cm



ĐƯỜNG LỎNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN

STANDARD SUGARCANE SYRUP

Thành phần: Đường mía

Đường Saccharose	≥ 66,5 %
Nước	≤ 33,5 %

Thể tích thực

1 000 lít

Sản phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (0276) 375 3250. Website: www.ttc-sugar.com.vn

Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
Thông tin bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao,
dưới ánh nắng mặt trời.



NSX:

Số seri:

SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC
NGÀY THỨ 30 KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



Vị trí đóng date
và số seri

Vị trí QR code

Vị trí barcode

21 cm

14.5 cm



ĐƯỜNG LỎNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN STANDARD SUGARCANE SYRUP

Thành phần: Đường mía

Đường Saccharose $\geq 66,5\%$
Nước $\leq 33,5\%$

Thể tích thực

5 000 lít

Sản phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (0276) 375 3250. Website: www.ttc-sugar.com.vn

Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
Thông tin bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao,
dưới ánh nắng mặt trời.



NSX:

Số seri:

SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC
NGÀY THỨ 30 KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



Vị trí đóng date
và số seri

Vị trí QR code

Vị trí barcode

21 cm

14.5 cm



ĐƯỜNG LỎNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN STANDARD SUGARCANE SYRUP

Thành phần: Đường mía

Đường Saccharose $\geq 66,5\%$
Nước $\leq 33,5\%$

Thể tích thực

10 000 lít

Sản phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (0276) 375 3250. Website: www.ttc-sugar.com.vn

Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
Thông tin bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao,
dưới ánh nắng mặt trời.



NSX:

Số seri:

SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC
NGÀY THỨ 30 KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



Vị trí đóng date
và số seri

Vị trí QR code

Vị trí barcode

21 cm

14.5 cm



ĐƯỜNG LỎNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN STANDARD SUGARCANE SYRUP

Thành phần: Đường mía

Đường Saccharose $\geq 66,5\%$
Nước $\leq 33,5\%$

Thể tích thực

18 000 lít

Sản phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (0276) 375 3250. Website: www.ttc-sugar.com.vn

Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
Thông tin bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao,
dưới ánh nắng mặt trời.



NSX:

Số seri:

SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC
NGÀY THỨ 30 KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



Vị trí đóng date
và số seri

Vị trí QR code

Vị trí barcode

21 cm

14.5 cm



ĐƯỜNG LỎNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN STANDARD SUGARCANE SYRUP

Thành phần: Đường mía

Đường Saccharose $\geq 66,5\%$
Nước $\leq 33,5\%$

Thể tích thực

20 000 lít

Sản phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (0276) 375 3250. Website: www.ttc-sugar.com.vn

Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
Thông tin bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao,
dưới ánh nắng mặt trời.



NSX:
Số seri:

SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC
NGÀY THỨ 30 KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



Vị trí đóng date
và số seri

Vị trí QR code

Vị trí barcode

21 cm

14.5 cm



ĐƯỜNG LỎNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN

STANDARD SUGARCANE SYRUP

Thành phần: Đường mía

Đường Saccharose $\geq 66,5\%$
Nước $\leq 33,5\%$

Thể tích thực

24 000 lít

Sản phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (0276) 375 3250. Website: www.ttc-sugar.com.vn

Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
Thông tin bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao,
dưới ánh nắng mặt trời.



NSX:

Số seri:

SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC
NGÀY THỨ 30 KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



Vị trí đóng date
và số seri

Vị trí QR code

Vị trí barcode

KT3-05357ATP0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

07/07/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG LỎNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong chai nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bottle, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 27/06/2020
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 29/06/2020 - 07/07/2020
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CP THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Tân Châu, Tây Ninh
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02 - 03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

KT. GIÁM ĐỐC/FOR DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR



Trương Thanh Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %./ Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-05357ATP0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

07/07/2020

Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Cảm quan ^(*) / <i>Sensory test</i> • Trạng thái / <i>State</i> • Màu sắc / <i>Color</i> • Mùi vị / <i>Odor & taste</i>	QTTN/KT3 234 : 2019	-	Lỏng sánh <i>Viscous liquid</i> Vàng nhạt <i>Light yellow</i> Mùi đặc trưng, vị ngọt đặc trưng <i>Characteristic odor, characteristic sweet taste</i>
7.2. Độ Brix ở 20°C <i>Degrees brix at 20°C</i>	GS 4/3/8-13 (2009) ICUMSA	-	68,3
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % <i>Reducing sugars content (m/m)</i>	GS 1/3/7-3 (2005) ICUMSA	-	0,11
7.4. Độ màu / <i>Color</i> , IU	GS 2/3 - 9 (2005) ICUMSA	-	53,8
7.5. pH	GS 1/2/3/4/7/8/9-23 (2009) ICUMSA	-	7,18
7.6. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % <i>Sucrose content (m/m)</i>	QTTN/KT3 178:2017 (Ref: TCVN 4594:1988)	-	67,8
7.7. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg <i>Sulfur dioxide content</i>	GS 2/1/7/9 - 33 (2011) ICUMSA	-	9,00 x 10 ⁻²
7.8. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.11. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	1,50 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. / Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qltest3.com.vn và rq.tn@qltest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@qltest3.com.vn and rq.tn@qltest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-05357ATP0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

07/07/2020
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.12. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg Aflatoxin content	AOAC 2016 (991.31)		
• B ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• B ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
• G ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• G ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
7.14. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g Total mesophilic bacterial count	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-	8,0 x 10 ⁰
7.15. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/g Total mesophilic bacterial count	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.16. Tổng số nấm men, CFU/10 g Total yeasts	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.17. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g Total moulds	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than
7.18. Tổng số nấm men, CFU/g Total yeasts	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.19. Tổng số nấm mốc, CFU/g Total moulds	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.20. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.21. E. Coli, MPN/g	ISO 16649 - 3:2015	-	0
7.22. Staphylococcus aureus, CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.23. Salmonella spp./ 25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện Not detected

Ghi chú/Notes: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g; 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g; 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %/ Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Report N°: 20070604FF

Page N°: 1/ 5

Ho Chi Minh City, Date: July 06, 2020
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 06/07/2020

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL20/07965-2
Đơn hàng: FDL20/07965-2

CLIENT'S NAME : THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

CLIENT'S ADDRESS : TAN HUNG COMMUNE, TAN CHAU DISTRICT, TAY NINH PROVINCE, VIET NAM
Địa chỉ : XÃ TÂN HƯNG, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description Mô tả mẫu	: LIQUID : Dạng Lỏng
Number of sample Số lượng mẫu	: 01 sample : 01 mẫu
Sample characterisation/ condition Tình trạng mẫu	: Sample (approx. 900g) in plastic bottles : Mẫu (khoảng 900g) chứa trong chai nhựa
Client's reference Chú thích của khách hàng	: ĐƯỜNG LỎNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN
Date sample(s) received Ngày nhận mẫu	: June 29, 2020 : 29/06/2020
Testing period Thời gian thử nghiệm	: June 29 – July 06, 2020 : 29/06/2020 – 06/07/2020
Test requested Yêu cầu thử nghiệm	: As applicant's requirement : Theo yêu cầu của khách hàng
Test result Kết quả kiểm nghiệm	: Please refer to the next page(s) : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.





Report N°: 20070604FF

Page N°: 2/ 5

DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
1. Aldicarb <i>Aldicarb</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
2. Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
3. Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
4. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb, aldicarb sulfoxide và aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
5. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
6. Carbofuran <i>Carbofuran</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
7. Carbofuran-3-OH <i>Carbofuran-3-OH</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
8. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran được sinh ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và carbofuran-3-OH quy về carbofuran)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
9. Chlordantraniliprole <i>Chlordantraniliprole</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.005	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



Report N°: 20070604FF

Page N°: 3/ 5

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
10. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
11. Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
12. Cypermethrin (sum of isomers) <i>Cypermethrin (tổng các đồng phân)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
13. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
14. Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
15. Mesotrione <i>Mesotrione</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
16. Novaluron <i>Novaluron</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
17. Propiconazole (sum of isomers) <i>Propiconazole (tổng của các đồng phân)</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
18. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
19. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <i>2,4-D (tổng của 2,4-D, bao gồm muối, ester và các dạng liên kết của nó, quy về 2,4-D)</i>	BS EN 15662:2018, mod.	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
20. Dicamba <i>Dicamba</i>	BS EN 15662:2018, mod.	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.03	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



Report N°: 20070604FF

Page N°: 4/ 5

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
21. Imazapic <i>Imazapic</i>	BS EN 15662:2018, mod.	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
22. Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac) <i>Trinexapac (tổng của trinexapac (axít), dạng muối và ester của nó, quy về trinexapac)</i>	BS EN 15662:2018, mod	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
23. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	J. AOAC Int. 100 (2017) 631-639	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg

Note/Ghi chú:

- LOD = Limit of Detection/ *Giới hạn phát hiện*
- When the chemical analyte is detected but the concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ". If the result was calculated from sum of individual analytes, it was done without single values below LOQ taken into account. For microbiological analyte, according to the plate count testing method with dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g.
Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là "< LOQ". Nếu kết quả được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện không bao gồm các giá trị đơn lẻ nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <10 cfu/g.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
 Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác
 END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
 Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
 Lâm Văn Xư



Lâm Văn Xư
 Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgs onsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

Số: 321/2020/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh cơ sở sản xuất

Tây Ninh, ngày 12 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 02 tháng 02 năm 2018,
Tuân thủ các Văn bản pháp luật về An toàn thực phẩm đã ban hành, Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chúng tôi đã thực hiện việc công bố chất lượng các sản phẩm đúng quy định.
Tuy nhiên, do có chút sai sót, chúng tôi xin điều chỉnh nội dung trong hồ sơ tự công bố chất lượng, cụ thể như sau:

STT	Số hồ sơ	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh	Tài liệu thay đổi
01	21/TTC-BH/2020	Thông tin về địa chỉ sản xuất	Cơ sở 3: Công ty TNHH MTV Đường TTC – Biên Hòa – Ninh Hòa	Cơ sở 3: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	Bản tự công bố sản phẩm
02	23/TTC-BH/2020		Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	
03	24/TTC-BH/2020				

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục về nội dung điều chỉnh trên hồ sơ tự công bố chất lượng mà Công ty chúng tôi đã công bố.

Trân trọng,



Nơi đến:

- Như trên.

- Lưu P. QHSE

Số: 22/2022/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh cơ sở sản xuất

Tây Ninh, ngày 24 tháng 1 năm 2022

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 02 tháng 02 năm 2018;
- Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BYT của Bộ Y tế, ngày 06 tháng 09 năm 2021;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa xin điều chỉnh nội dung trong các Hồ sơ Tự Công bố chất lượng các sản phẩm của Công ty chúng tôi, cụ thể như sau:

STT	Số hồ sơ	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh	Tài liệu thay đổi
01	09/TTC-BH/2020 10/TTC-BH/2018 11/TTC-BH/2018 12/TTC-BH/2018 13/TTC-BH/2018 14/TTC-BH/2018 15/TTC-BH/2018	Thông tin về địa chỉ sản xuất	Cơ sở 2: Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cơ sở 2: Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Bản tự công bố sản phẩm
	16/TTC-BH/2018 17/TTC-BH/2018 21/TTC-BH/2020 23/TTC-BH/2020 24/TTC-BH/2020	Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	• Aflatoxin B1: không lớn hơn 5 µg/kg • Aflatoxin B1 B2 G1 G2: không lớn hơn 15 µg/kg	(Bãi bỏ theo Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Điều 1 Thông tư 12/2021/TT-BYT ngày 06 tháng 09 năm 2021)	
	08/TTC-BH/2018 18/TTC-BH/2019	Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	• Aflatoxin B1: 5 µg/kg • Aflatoxin B1 B2 G1 G2: 15 µg/kg	(Bãi bỏ theo Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Điều 1 Thông tư 12/2021/TT-BYT ngày 06 tháng 09 năm 2021)	

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục để nắm tình hình.

Trân trọng,

Nơi đến:

- Như trên.

- Lưu P. QHSE



Lê Đức Tôn

Số: 142/2024/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm
Đường lòng tinh luyện tiêu chuẩn

Tây Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Quyết định 32/2003/QĐ-BKHCN ban hành Tiêu chuẩn Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Khoa Học và Công Nghệ ban hành;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chúng tôi xin được điều chỉnh thông tin liên quan đến sản phẩm Đường lòng tinh luyện tiêu chuẩn (số tự công bố: 23/TTC-BH/2020) trên bản tự công bố sản phẩm như sau:

STT	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh								
1	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm 2. Thông tư của các Bộ, ngành	TCVN 7270:2003: Yêu cầu vệ sinh	(Hủy bỏ do TCVN 7270:2003 đã hết hiệu lực)								
2	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm 3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất 3.2. Các chỉ tiêu hóa lý	(Chưa có)	Bổ sung chỉ tiêu về hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO ₂) , như sau: <table><tr><th>STT</th><th>Chỉ tiêu:</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức công bố</th></tr><tr><td>02</td><td>Hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO₂)</td><td>mg/kg, nhỏ hơn</td><td>7</td></tr></table>	STT	Chỉ tiêu:	Đơn vị tính	Mức công bố	02	Hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/kg, nhỏ hơn	7
STT	Chỉ tiêu:	Đơn vị tính	Mức công bố								
02	Hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/kg, nhỏ hơn	7								

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục v/v điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm Đường lỏng tinh luyện tiêu chuẩn theo nội dung như trên.

Trân trọng.



ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Chủy Tiên

Nơi đến:

- Như trên.
- Lưu P. QHSE



CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 310/2024/CV/TTC-BH

Tây Ninh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

V/v Điều chỉnh bản tự công bố
sản phẩm Đường lòng tinh luyện tiêu chuẩn

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chúng tôi thông tin v/v điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm Đường lòng tinh luyện tiêu chuẩn, số tự công bố 23/TTC-BH/2020 như sau:

STT	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
01	Email	ttcs@ttcsugar.com.vn	thongtin.ttcs@ttcagris.com.vn
02	Fax	84-276-3839834	(Hủy bỏ)
03	Thời hạn sử dụng sản phẩm	Sử dụng tốt nhất trước ngày thứ 30 kể từ ngày sản xuất.	Sử dụng tốt nhất trong vòng 60 ngày kể từ ngày sản xuất.
04	Thông tin về địa chỉ sản xuất	Cơ sở 3: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam (Điều chỉnh theo công văn 321/2020/CV/TTC-BH v/v Điều chỉnh cơ sở sản xuất ngày 12 tháng 10 năm 2020) Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất	- Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu AgriS Ninh Hòa Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất



STT	Nội dung	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
05	Thông tư của các bộ, ngành	(Chưa có)	Bổ sung Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa
06	Hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn bảo quản	- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm. - Hướng dẫn bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao, dưới ánh nắng mặt trời.	(Hủy bỏ)

Chi tiết nội dung sau khi điều chỉnh theo Bản tự công bố đính kèm. Bản tự công bố ký ngày 29/11/2024 chỉ giúp làm rõ nội dung công văn, không phải là bản thay thế cho Bản tự công bố 23/TTC-BH/2020 đã được ký ban hành ngày 08/07/2020.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu P. QHSE

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Ch�y Tiên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 23/TTC-BH/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (84-276) 3753 250

Fax:

E-mail: thongtin.ttc@ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3900244389

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG LỎNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN**

2. Thành phần: Đường mía (Saccharose $\geq 66,5\%$), nước ($\leq 33,5\%$)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trong vòng 60 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói :

Thể tích thực 1000 lít, 5000 lít, 10000 lít, 18000 lít, 20000 lít, 24000 lít

- Chất liệu bao bì: Đường lỏng được chứa trong bao bì kín chất liệu inox 304L hoặc 316, nhựa PE, HDPE hoặc các bao bì phù hợp, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “G” sau ngày sản xuất.

- Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “A” sau ngày sản xuất.

- Tên cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu AgriS Ninh Hòa

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất.



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm do Bộ Y tế ban hành

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1,0
02	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
03	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,5
04	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

- Thông tư 50/2016/TT-BYT quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm do Bộ Y tế ban hành

STT	Tên thuốc bảo vệ thực vật (Tên hoạt chất)	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật
01	2,4 – D	mg/kg	0,05
02	Aldicarb	mg/kg	0,1
03	Azinphos – Methyl	mg/kg	0,2
04	Carbofuran	mg/kg	0,1
05	Chlorantraniliprole	mg/kg	0,5
06	Clothianidin	mg/kg	0,4
07	Cyhalothrin	mg/kg	0,05
08	Cypermethrins	mg/kg	0,2
09	Dicamba	mg/kg	1
10	Ethoprophos	mg/kg	0,02
11	Glyphosate	mg/kg	2
12	Imazapic	mg/kg	0,01
13	Isoxaflutole	mg/kg	0,01
14	Mesotrione	mg/kg	0,01
15	Novaluron	mg/kg	0,5
16	Propiconazole	mg/kg	0,02
17	Tebufenozide	mg/kg	1
18	Trinexapac - ethyl	mg/kg	0,5

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa

0244
ÔNG T
PHẦN
THÀNH
ÊN HỒ
U-T.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

+ Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng.
- Màu sắc: Màu trắng trong suốt đến vàng nhạt.
- Mùi vị: Vị ngọt đường đặc trưng, không có mùi lạ, không có vị lạ.

+ Các chỉ tiêu hóa lý:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
Hàm lượng saccharose	%, không nhỏ hơn	66,5
Hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/kg, nhỏ hơn	7

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thủy Tiên

